

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NGÃI (RUDEP) - GIAI ĐOẠN 2

Báo cáo chuyên công tác lần đầu của Chuyên gia
Kinh tế học vật nuôi và cây trồng



VIET NAM-AUSTRALIA

Tài liệu soạn cho

AusAID

62 Northbourne Avenue
CANBERRA ACT 2601

17 Tháng 1 năm 2004

VIE1506

Bên soạn thảo

URS Sustainable Development
in association with Kellogg Brown & Root and
World Wide Project Management Services
Project Managers and Consultants
Adelaide Australia

Mục lục

| | | |
|-------|---|----|
| 1. | Phần mở đầu | 3 |
| 1.1 | Phương pháp | 3 |
| 2. | Bảng tính sẵn | 4 |
| 2.1 | Các đầu vào trong khẩu phần thức ăn nuôi | 4 |
| 2.2 | Thành phần thức ăn: Hàm lượng dinh dưỡng và chất khô | 5 |
| 2.3 | Yêu cầu về dinh dưỡng vật nuôi | 5 |
| 2.3.1 | Bò | 5 |
| 2.3.2 | Lợn và gia cầm | 6 |
| 3. | Các kết quả hội thảo | 7 |
| 4. | Kết luận | 9 |
| 5. | Đề xuất cho các bước kế tiếp | 11 |

1. Phần mở đầu

Mục tiêu của công tác tư vấn là xây dựng một bảng tính sẵn để hướng dẫn cho các Cố vấn phát triển dự án (PDAs), Nhân viên phát triển huyện (DDO) và nông hộ trong việc chọn lựa các khẩu phần thức ăn nuôi phù hợp cho vỗ béo bò thịt. Cách tiếp cận phải được điều chỉnh cho phù hợp với các mức hiện thời về giá cả, tính sẵn có/ nguồn cung ứng thức ăn nuôi và sự hiểu biết của nông hộ và DDO. Các nguồn dữ liệu cần thiết để thực hiện công việc này cần phải được xác định và cung cấp. Các nguồn dữ liệu tương tự đối với chăn nuôi heo và gia cầm để lấy thịt và đẻ trứng cũng cần được xác định.

Chi tiết về Nội dung yêu cầu công việc (TOR) đối với đầu vào chuyên gia thực hiện báo cáo này được ghi tại Phụ lục 1. Các nội dung công việc bao gồm cả những phần điều chỉnh đã được quyết định với Trưởng đoàn Ô-x-trây-li-a (ATL); các điều chỉnh là: (a) giới hạn phạm vi của bảng tính sẵn đối với vỗ béo bò thịt; (b) chỉ cung cấp những nguồn dữ liệu để lặp lại cách làm đối với lợn và gia cầm (gà và vịt); và (c) thăm dò các khả năng đối với việc phát triển liên tục các dịch vụ tiếp diễn được định hướng theo yêu cầu để phục vụ cho các nhóm hoạt động/ mô hình trình diễn thuộc Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi (QNRDP) bao gồm việc hỗ trợ đến các nông hộ.

1.1 Phương pháp

Chuyên gia tư vấn đã tham dự từ hai đến ba buổi nông hộ học tập kỹ thuật qua mô hình, thực hiện một hội thảo, thảo luận về TOR và soạn ra một bảng tính sẵn cùng với sự phối hợp của các PDA, DDO, chuyên gia ngắn hạn về vật nuôi và ông Nguyễn Đăng Hào, giảng viên môn Kinh tế nông nghiệp thuộc trường Đại học Nông lâm Huế.

Ông Hào là người cùng sát cánh làm việc với chuyên gia tư vấn. Ông ta đã hỗ trợ trong việc xây dựng bảng tính sẵn và các cơ sở dữ liệu cho bảng tính này. Ông ta đã tham dự một buổi nông hộ học tập kỹ thuật qua mô hình và sẵn sàng cung cấp sự hỗ trợ thường xuyên, đó là mở rộng bảng tính sẵn và các cơ sở dữ liệu của bảng tính, tham gia và thuyết trình cho các hội thảo tiếp theo nếu, và khi, có yêu cầu từ PDA. Ông Hào đã trợ giúp trong việc xem xét các thắc mắc đã được nêu lên và thảo luận tại hội thảo cũng như các thắc mắc được ghi ra giấy bởi các thành phần tham gia. Ông ta cũng hỗ trợ trong việc nhận định các cơ hội mà qua đó có thể phát triển một mạng lưới các mối liên hệ hỗ trợ địa phương cho các mô hình trình diễn/ các nhóm hoạt động hộ gia đình thuộc QNRDP.

2. Bảng tính sẵn

Cách tiếp cận theo bảng tính sẵn đã được xác định là căn cứ trên các trọng lượng hơi của bò, lượng vật chất khô hàng ngày của khẩu phần 'ăn vào' mà bò hấp thu, và các khẩu phần hiện đang được sử dụng. Các nông hộ tham gia trong các hoạt động mô hình trình diễn của QNRDP hiện nay đang ghi chép các số liệu này và hoàn toàn thông thạo với ý nghĩa thực tiễn của các yêu cầu này.

Bảng tính sẵn cùng với các cơ sở dữ liệu ban đầu được trình bày tại Phụ lục 2, Đính kèm 1.

Nội dung trong Phụ lục 2 là bài thuyết trình dùng trong hội thảo để:

- (a) So sánh giữa vỗ béo bò thịt theo mô hình của QNRDP và nuôi bò sinh sản theo tập quán địa phương hiện thời; và
- (b) Giới thiệu và hướng dẫn cách sử dụng bảng tính sẵn.

Bài thuyết trình đặc biệt đã được điều chỉnh cho phù hợp với đối tượng DDO và nông hộ tham dự tại hội thảo. Bài thuyết trình này được ông Hào trình bày bằng tiếng Việt và có phiên dịch sang thổ ngữ thiểu số để phục vụ cho người thiểu số tham gia trong hội thảo.

Tài liệu phát tay tại hội thảo bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt gồm có hai nội dung: (a) so sánh giữa mô hình vỗ béo bò thịt của QNRDP và việc nuôi bò sinh sản; và (b) các bảng tính sẵn đã được đưa vào sử dụng. Tài liệu phát tay này cũng được thuyết minh qua máy đèn chiếu để hướng dẫn người tham gia hội thảo nắm bắt qua tài liệu cũng như cách sử dụng bảng tính sẵn.

Tuy nhiên, các phần đoạn từ 4 đến 8 của tài liệu được trình bày trong nội dung Phụ lục 2 dưới tiêu đề 'Các so sánh khác' đã không được phân phát cũng như thuyết trình trên máy đèn chiếu. Phần này được ông Hào trình bày bằng tiếng Việt. Ông ta sử dụng máy đèn chiếu để hướng dẫn người tham dự qua các bảng tính sẵn. Người tham dự dò trên tài liệu phát tay về bảng tính để theo dõi các giải thích hướng dẫn của ông Hào. Ông Hào sử dụng nhiều ví dụ trong đó có những ví dụ được mô tả trong Phụ lục 2, và qua các phần hội thảo người tham dự được khuyến khích nêu thắc mắc để cùng nhau thảo luận và giải đáp. Hội thảo đã tạo môi trường cho sự thảo luận tương tác thường xuyên.

2.1 Các đầu vào trong khẩu phần thức ăn nuôi

Các khẩu phần thức ăn nuôi xem xét trong các bảng tính sẵn đều được chỉ rõ trong tài liệu phát tay về bảng tính sẵn, là Bảng 2, theo khẩu phần (A đến J) đối với lượng vật chất khô 'ăn vào'. Người tham gia đã sử dụng các khẩu phần từ A đến G. Các khẩu phần từ H đến J được giới thiệu để biểu diễn cách thức mà nông hộ có thể sử dụng bảng tính sẵn để thăm dò tác động của các khả năng gia tăng (tồn thất) trọng lượng hơi biến thiên theo các khẩu phần này. Trong trường hợp đối với các khẩu phần từ H đến J, tác động của việc cố gắng thay thế thức ăn tinh bằng bột bắp bằng, chẳng hạn,

cỏ voi sẽ được kiểm tra. Đây là sự thay đổi khẩu phần mà nhiều nông hộ quan tâm đặc vấn đề.

2.2 Thành phần thức ăn: Hàm lượng dinh dưỡng và vật chất khô

Một loạt các lựa chọn về thành phần thức ăn sẵn có và/hoặc trồng ở địa phương đã được đưa ra trình bày (Phụ lục 2, Đính kèm 1, Bảng 3) và thảo luận. Các số liệu này được cần để tính toán hàm lượng chất xơ và dinh dưỡng hỗn hợp của một khẩu phần. Số liệu này được chuyên gia tư vấn và ông Hào lấy từ hai nguồn chính là:

(a) Kearl, Leonard C., *Yêu cầu về dinh dưỡng của động vật nhai lại ở các nước đang phát triển*, Viện nghiên cứu thức ăn chăn nuôi Quốc tế, Trạm thực nghiệm nông nghiệp Utah, Logan, Utah, Tháng 12, trang 381.

(b) FAO, *Thức ăn nuôi vùng nhiệt đới*, 1981, trang 529, và các ấn bản cập nhật trên internet tại: <<http://www.fao.org/WAICENT/FAOINFO/AGRICULT/AGA/AGAP/FRG/AFRIS/>>

Dữ liệu của Kearl cung cấp thông tin cho cừu, dê, bò và trâu về thức ăn nuôi sử dụng phổ biến ở châu Á. Tài liệu của Kearl được xếp chú dẫn tra cứu theo tên khoa học của loại thức ăn. Nó có một danh mục xếp theo thứ tự abc cho các tên gọi thức ăn bằng tiếng Anh và tên khoa học của chúng để giúp người đọc sử dụng bảng tra cứu theo tên khoa học.

Ấn phẩm *Thức ăn nuôi miền nhiệt đới* cung cấp các dữ liệu về khả năng tiêu hóa xếp theo loại vật nuôi và phương pháp giúp người đọc tính toán hàm lượng năng lượng của loại thức ăn theo loại vật nuôi sử dụng đặc tính tiêu hóa của loại thức ăn. Các thông tin trình bày được tham khảo chéo với (các) nguồn của chúng và trên trang web mà cung cấp các chi tiết về (các) nguồn tham khảo được đăng tải. Trang web là một nguồn dữ liệu sống nhưng nó rộng lớn và khó truy cập theo yêu cầu thông qua hệ thống máy chủ của Ban quản lý chương trình (PMU). Bản in của cả hai ấn phẩm này đều được cung cấp cho PMU và ông Hào.

Cơ sở dữ liệu cho các loại thức ăn chọn lọc trình bày tại Phụ lục 2, Đính kèm 1, Bảng B sẽ được ông Hào cập nhật định kỳ nếu có yêu cầu, thông tin cập nhật sẽ là các loại thức ăn mới được xem là quan trọng đối với người tham gia của QNRDP. Ông Hào có thể tìm thấy được thêm hỗ trợ dự phòng từ các nguồn ở Việt Nam, và quốc tế - khi cần.

2.3 Yêu cầu về dinh dưỡng vật nuôi

2.3.1 Bò

Yêu cầu dinh dưỡng hàng ngày đối với bò đực trong Phụ lục 1, Đính kèm 2, Bảng 1 đã được lấy từ Kearl, Leonard C. trang 82 và 83. Mặc dù các nguồn dữ liệu khác là sẵn có nhưng ấn phẩm này cũng bao gồm một danh mục chi tiết các thành phần thức ăn và hàm lượng vật chất khô sử dụng cùng đơn vị đo lường để mô tả các yêu cầu dinh dưỡng vật nuôi. Yêu cầu dinh dưỡng hàng ngày đối với bò đực trình bày theo

trọng lượng hơi của con vật, lượng vật chất khô 'ăn vào' hàng ngày cho những con vật nuôi ở khung trọng lượng hơi đó và tăng (giảm) cân hàng ngày có thể dự kiến được nếu con vật tiêu thụ các yêu cầu dinh dưỡng hàng ngày đã được chỉ định. Các nông hộ trình diễn của QNRDP đang đo lường và ghi chép các số liệu theo dõi trọng lượng hơi con vật nuôi, lượng vật chất khô ăn vào và tăng (giảm) cân hàng ngày và đều thành thạo với ý nghĩa thực tiễn của các yêu cầu này.

2.3.2 Lợn và gia cầm

Hai nguồn yêu cầu dinh dưỡng đối với lợn và gia cầm đã được lưu lại tại văn phòng PMU và các bảng chọn lọc được trình bày tại Phụ lục 3. Các nguồn tài liệu này được sao chép từ:

- (a) Queensland và Ban ngành nghề cơ bản, Phân ban nghiên cứu kinh tế, Brisbane, 1982.
- (b) Bảng trích yếu về nông nghiệp, Wagenin, 1989.

Cả hai ấn phẩm này hiện nay không còn có ở nhà xuất bản. Chúng bao gồm các thông tin về yêu cầu dinh dưỡng mà có thể dùng với hỗn hợp về dinh dưỡng và chất xơ trong các loại thức ăn nuôi được giới thiệu trong tài liệu của Kearl và tài liệu Thức ăn nuôi vùng nhiệt đới.

Đồng thời, nhiều bản sao và/hoặc bản gốc của các bảng biểu chọn lọc do nhiều cơ quan về nông nghiệp/ ngành nghề cơ bản của Ôxtrâyliá phát hành đã được để lại văn phòng Chương trình. Các tài liệu này cung cấp các thông tin 'hướng dẫn' thực tiễn để tạo ra các khẩu phần mới, nhận biết và xử lý các vấn đề trong chăn nuôi và sức khỏe vật nuôi.

3. Các kết quả hội thảo

Các thắc mắc được nêu lên và thảo luận trong hội thảo cùng với các phát biểu kết thúc hội thảo của người tham gia cho thấy hầu hết mọi người đã đạt được kiến thức thực hành về cách thức sử dụng bảng tính sẵn để thăm dò các hỗn hợp khẩu phần khác nhau. Các ý kiến thành văn của người tham gia tại hội thảo được người viết báo cáo này trình bày trong Phụ lục 4.

Các điểm chính được nêu ra từ hội thảo là:

1. Nuôi vỗ béo một con bò cái hay một con bò đực là một ý hay. Sẽ rất tốt để hiểu được cách thức nuôi, chọn con giống và nuôi ăn vỗ béo. Kiến thức có thể được truyền đạt đến các nông hộ khác trong xã.
2. Nông hộ tham gia trong hội thảo đồng ý rằng việc vỗ béo bò thịt nhìn chung sẽ mang lại thu nhập cao hơn nuôi bò sinh sản và mong muốn các mô hình trình diễn được tiếp tục tổ chức. Bò lai được đánh giá là tốt hơn đối với mục đích vỗ béo.
3. Cần có tập huấn thêm nữa về chăm sóc vật nuôi, nhận biết và xử lý các vấn đề trong chăn nuôi.
4. Nhu cầu về vốn để khởi đầu là một vấn đề bên cạnh tiềm năng sinh lãi qua một thời gian ngắn (2 tháng) từ vỗ béo bò. Một số nông hộ đã nhận thấy được sự cần thiết phải có vốn và khả năng thu hồi tiền mặt để tiếp tục xoay vòng mua con giống và nuôi vỗ béo.
5. Đặc biệt nông hộ xã Sơn Hải yêu cầu có sự kiểm nghiệm thêm nữa về các khó khăn và thuận lợi trong việc sử dụng bắp làm thức ăn tinh cơ bản và muốn kiểm tra thêm một số phương án thay thế. Khả năng dùng khoai mì đã được xem xét dựa trên bảng tính sẵn và phát hiện sự thiếu hụt đạm trong loại nguyên liệu thức ăn này.
6. Người dân Sơn Hải bị khó khăn về cách trở địa hình khi mua bột bắp và, ở một chừng mực nhất định, mật đường và urê. Yêu cầu phải trả tiền mặt khi mua và phát sinh chi phí tiền mặt để đi lại mua bán đã tăng thêm phần khó khăn cho việc này. Người dân tộc thiểu số ít dùng tiền mặt và lưỡng lự khi dùng các đầu vào đòi hỏi tiền mặt. Đức Phong và Tịnh Thọ cho biết rằng họ cũng gặp những khó khăn nhất định trong vấn đề này.
7. Các nông hộ tham gia trong hội thảo đề nghị nên tổ chức các chuyến tham quan qua lại giữa các mô hình để trao đổi thông tin với nhau. Hội thảo đã mang đến một cơ hội để họ học hỏi lẫn nhau, tuy nhiên theo các nông hộ thì việc học hỏi và trao đổi kinh nghiệm thông qua các tham quan qua lại giữa các điểm mô hình trình diễn sẽ tốt hơn.
8. Mô hình vỗ béo bò thịt hiện đang được trình diễn là một mô hình hay và phù hợp với nông hộ nghèo mặc dù đây không phải là một mô hình truyền thống và đòi hỏi vài thay đổi trong tập quán chăn nuôi truyền thống, đặc biệt là tại xã Sơn Hải. Ví dụ, nó đòi hỏi việc thu gom và đánh đụn rơm rạ. Nông hộ người thiểu số không có tập quán làm công việc này. Mặc dù vậy, nông hộ Sơn Hải nhận ra rằng mô hình này có tiềm năng giúp họ tăng thêm các

phương án thu nhập và tin rằng đây là một hoạt động mà họ có thể học hỏi và làm tốt nếu có được sự hỗ trợ cần thiết để khởi đầu và thực hành cái mà họ cần làm.

9. Nhiều nông hộ đề nghị được hỗ trợ về trồng cỏ voi.
10. Một nông hộ đề nghị được hỗ trợ giếng nước và mái che mưa gió cho chuồng bò của ông ta. Ông ta cũng thích số liệu dạng bảng và giải thích rằng ông ta có thể dùng chúng để so sánh và áp dụng các ý tưởng.
11. Vỗ béo bò thịt được xem là một hoạt động giúp nông hộ sử dụng thời gian nông nhàn để tạo thêm thu nhập.
12. Toàn thể nông hộ tham gia trong hội thảo đều muốn chương trình trình diễn được tiếp tục. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các xã miền núi vì họ có ít kiến thức và cơ hội và họ gặp khó khăn trong việc tiếp thu và ứng dụng kiến thức mới. Song họ có thể làm được nếu điều này được thực hiện từng bước một.
13. Những lý do được nêu ra bởi một số nông hộ giải thích vì sao ở một số bò nuôi thỉnh thoảng không thấy có sự tăng/ giảm cân gồm:
 - a. Nông hộ không theo đúng các tư vấn kỹ thuật
 - b. Nhu cầu cần có thêm kiến thức và kỹ năng kỹ thuật, đặc biệt khi công việc trái với các tập quán truyền thống và yêu cầu những thay đổi trong các thói quen tập quán này.
 - c. Bò bị ký sinh trùng.
 - d. Việc xử lý vấn đề ký sinh trùng trên con vật nuôi không mang lại hiệu quả.

Nhiều nông hộ đề xuất rằng các viếng thăm qua lại giữa các mô hình có thể giúp mọi nông hộ hướng dụng những cách làm tốt nhất từ những mô hình trình diễn thành công nhất.

4. Kết luận

1. Nuôi ăn hoàn toàn cho bò nhốt chuồng là một hoạt động do QNRDP giới thiệu mà nông hộ có thể ứng dụng.
2. Mô hình vỗ béo bò thịt có thể tạo ra một luồng thu nhập tiền mặt thường xuyên. Luồng thu nhập tiền mặt được tạo ra có tiềm năng lớn hơn nhiều so với hoạt động nuôi bò sinh sản. Chi tiêu vốn ban đầu có thể là ít hơn, và nông hộ có khả năng sử dụng tín dụng để thực hiện các chu kỳ vỗ béo kế tiếp.
3. Các nông hộ trình diễn đã hiểu được mối quan hệ giữa trọng lượng hơi của một con vật nuôi và khả năng tiêu thụ (thức ăn khô hàng ngày) và sự tương quan giữa trọng lượng hơi, lượng tiêu thụ thức ăn khô hàng ngày, chất lượng của khẩu phần ăn vào so với hàm lượng đạm và năng lượng của khẩu phần cùng với mức tăng (giảm) trọng lượng hàng ngày.
4. Mối quan hệ giữa các tập quán 'chăn nuôi tốt' và phản ứng tích cực về việc ăn nhiều hơn của con vật nuôi (tiêu thụ nhiều lượng thức ăn khô hơn) đã được các nông hộ đánh giá cao cho dù họ chưa hoàn toàn hiểu hết mọi khía cạnh của việc đạt được tập quán 'chăn nuôi tốt'. Các vấn đề được nêu lên trong hội thảo là:
 - a. Sự cần thiết phải giữ cho con vật nuôi được lành mạnh và dễ chịu. Nội dung và hàm ý của vấn đề này đó là vấn đề chuồng trại (che nắng, kín gió nhưng thoáng mát, nền chuồng thoát nước tốt nhưng không nhất thiết phải là nền xi măng);
 - b. Sự cần thiết cung cấp các khẩu phần hỗn hợp tươi mới và ngon miệng mà không bị phơi dưới ánh nắng mặt trời và cho ăn trong các máng ăn sạch và không có đọng thức ăn thừa; và
 - c. Sự cần thiết đối với việc luôn tiếp cận nguồn nước sạch và an toàn.
5. Con giống được mua về vỗ béo phải 'gầy' nhưng lành mạnh. Bò đực hoặc cái đều có thể nuôi vỗ béo được. Được biết có trường hợp là khi bò cái đang được vỗ béo, những người tìm mua bò cái sinh sản đã đề nghị những mức giá bằng ngang hoặc vượt quá giá dự kiến cho con bò đó sau khi vỗ béo. Mọi nông hộ đều mong muốn có sự trợ giúp về:
 - a. Nhận biết và mua con giống sẵn có 'tốt nhất' để nuôi vỗ béo;
 - b. Gọi ra được những mối chào bán và lựa chọn mối chào bán tốt nhất;
6. Mọi nông hộ đều mong muốn có thêm kỹ năng và kiến thức. Nông hộ nghèo người dân tộc thiểu số yêu cầu có thêm thời gian để học hỏi và áp dụng các ý tưởng mới. Họ muốn có được một phương pháp tiếp cận mở rộng từng bước, chuyên giao trực tiếp, và học trong quá trình làm thực tế. Các lĩnh vực kiến thức và kỹ năng mà các nông hộ nêu ra là:
 - a. Nên mua con giống nào, giá bao nhiêu, vào lúc nào;
 - b. Khi nào thì bán được, bán giá bao nhiêu;
 - c. Cho con vật ăn gì, cho ăn như thế nào. Các điểm cụ thể nêu ra bao gồm:
 - Có nhiều phương án chọn lựa về thành phần thức ăn mà thiên về những thứ sẵn có tại địa phương và những nguồn cung ứng biến đổi theo mùa;

- Làm thế nào để thu thập, chuẩn bị và xem xét nhiều loại thức ăn khác nhau có thể dùng được ở những thời điểm khác nhau trong năm (Tuy nhiên, thách thức này đã không mở rộng ra nhiều phương án khác nhau về lưu trữ và nâng cao chất lượng cho các loại thức ăn địa phương, chẳng hạn, ủ xilô thức ăn);
 - Chi phí của thức ăn nuôi (bột bắp) và phụ gia (mật đường và urê) thường cao hơn đối với người thiếu số ở vùng cao;
 - Sự e ngại, đặc biệt là ở nông hộ người thiếu số khi phải trả bằng tiền mặt cho thức ăn nuôi vì họ thường có tập quán trao đổi hiện vật và nhiều người không quen dùng tiền mặt. Nhiều người thiếu số không nói thạo tiếng kinh và điều này làm họ khó khăn trong giao tiếp; và
 - Sự khó khăn và tốn kém trong đi lại để đến các chợ mua bán.
- d. Chăn nuôi và thú y:
- Làm thế nào nhận biết được con vật lành mạnh, vừa ý;
 - Làm thế nào giữ cho con vật vỗ béo được vừa ý, ăn nhiều và mạnh khỏe;
 - Làm thế nào nhận biết được con vật nuôi đang bị một căn bệnh hoặc bị ký sinh trùng;
 - Làm thế nào để tìm kiếm sự trợ giúp về chẩn đoán và chữa trị.
7. Bố trí các tham quan qua lại giữa các mô hình; Hiện nay chỉ có hội thảo là tạo cơ hội cho các nông hộ từ nhiều mô hình khác nhau ở các xã khác nhau gặp gỡ với nhau.
 8. Tìm kiếm những phương thức nhằm cung cấp một nguồn giám sát và tư vấn ở phạm vi cấp xã cho các hộ tham gia vào trong mô hình trình diễn/ ứng dụng kỹ thuật cho một hoạt động mới (như vỗ béo bò).
 9. Tổ chức thêm hoạt động mô hình trình diễn/ ứng dụng kỹ thuật để hỗ trợ thêm nhiều hộ nghèo tại mỗi xã.

5. Đề xuất cho các bước kế tiếp

Để đáp ứng cho các vấn đề được thảo luận cho đến nay, người viết báo cáo này đề xuất một số công việc sau đây:

1. Đáp ứng yêu cầu dùng một nguyên liệu khác **thay thế cho bột bắp**, Chương trình có thể kiểm tra các khả năng sau:
 - a. Tăng việc sử dụng củ khoai mì, vỏ củ khoai mì và bột khoai mì để thay thế cho phần năng lượng cung cấp trong thức ăn tinh bằng bột bắp;
 - b. Sử dụng các phần thân và lá của khoai mì, sấy khô và phơi nắng một hoặc hai ngày sau đó nghiền chúng thành bột cám như là phần tăng thêm cho hàm lượng đạm của khẩu phần ăn; và
 - c. Sử dụng các loại nguyên liệu giàu đạm thay thế khác như khô nành và bã đậu phụng.

Tuy nhiên, trong khi các phương án trên (cũng như nhiều phương án khác có thể được kiểm tra) và thử nghiệm, chúng có thể làm giảm bớt nhu cầu sử dụng bột bắp nhưng chúng không có vẻ là sẽ thay thế đáng kể nhu cầu cần mua một số thành phần thức ăn tinh khác. Các phương án được đưa ra để thử nghiệm cần được chọn lọc theo hướng gắn liền với lợi ích của nông hộ đặc biệt là nếu có sự đòi hỏi thêm công đoạn phần việc (và thường là không theo tập quán thông thường), có thể là trường hợp như ý 1.b (các phần thân và lá của khoai mì). Hậu quả của sự không cung cấp đủ lượng dinh dưỡng trong khẩu phần 'tự nhiên' thực sự tiêu thụ sẽ là sự giảm bớt hoặc thậm chí tổn thất mức tăng trọng hàng ngày.

2. Đối với vấn đề liệu chúng ta có thể sử dụng **nhiều thành phần thức ăn (phi nông nghiệp) sẵn có tại địa phương**, hội thảo đã giải thích ví dụ về cò voi rằng điều này không có vẻ là sẽ làm giảm bớt đi nhu cầu về thức ăn tinh. Nếu đúng như vậy và các yêu cầu về dinh dưỡng của vật nuôi không được thỏa mãn ở các mức hấp thu chất ăn khô đang được nhận biết, mức tăng trọng hàng ngày sẽ bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, **việc bổ sung thêm** một vài thành phần sẵn có tại địa phương vào khẩu phần có thể đưa đến việc giúp cho các khẩu phần trở nên ngon miệng hơn cho vật nuôi, lượng hấp thu thức ăn khô hàng ngày cao hơn, và có thể là mức tăng trọng hàng ngày cao hơn. Khả năng thực hiện việc này đã được nhận ra bởi một số nông hộ tham gia trong hội thảo.
3. Liên quan về vấn đề sự cần thiết **có sự trợ giúp trong kỹ năng mua bán**, các chợ mua bán bò hiện nay nên được kiểm tra bởi Chuyên gia thị trường để thiết lập một phạm vi giúp nông hộ có kỹ năng mua bán tốt hơn. Nếu bản chất về cơ cấu và thời vụ của các chợ mua bán bò cung cấp được một cơ hội như vậy, thì nên cố gắng xác định một địa điểm thích hợp và một thời điểm thích hợp trong năm để mua hoặc bán, đồng thời Chương trình nghiên cứu cách thức để hỗ trợ người tham gia khai thác những cơ hội này. Có nhiều cách hỗ trợ có thể thực hiện được, đó là.

Hỗ trợ các hộ lập thành các nhóm mua và bán. Thành viên trong các nhóm này sẽ là các hộ trong nhóm hoạt động/ mô hình trình diễn mà là những người đã lập ra và gửi đến cho Chương trình các kế hoạch hợp lý. Các bước thủ tục được áp dụng và các hoạt động được thực hiện cho việc mua và bán bò sẽ là một phần trong các kế hoạch hoạt động/ mô hình trình diễn. Các nhóm này có thể cung cấp một điểm đầu mối qua đó QNRDP có thể định hướng sự hỗ trợ và các hộ trong nhóm sẽ rút ra các bài học kinh nghiệm cần thiết. Chi phí giá thành trong mua và bán sẽ được xác định và đưa vào kế hoạch.

Các kế hoạch hoạt động mà Chương trình hướng dẫn các hộ thiết lập cần chỉ rõ cách thức tổ chức mua và bán. Khi các kế hoạch này được Chương trình phê duyệt, vốn tài trợ chỉ nên được cấp khi các hộ tuân thủ đúng theo các thông số và trình tự thủ tục ghi trong kế hoạch.

Giá mua và giá bán ban đầu được xác định sẽ là các yếu tố quyết định chính cho lợi nhuận sẽ thu được từ hoạt động vỗ béo bò thịt. Việc thiết lập ra các cách thức thực tiễn giúp bản thân các hộ thực hiện mua bán có lãi cần phải là ưu tiên thường xuyên của Chương trình. Yếu tố then chốt là xây dựng năng lực cho các hộ về việc nhận biết giá mua 'tốt' và giá bán 'tốt' cho con vật nuôi trong thời điểm giao dịch.

4. Vấn đề về nhu cầu **được chuyên giao thêm kiến thức và kỹ năng** tại thời điểm cần thiết và ở một mức phù hợp cho nông hộ là một thách thức thường xuyên. Trách nhiệm là về phía nông hộ phải nhận biết đâu là vấn đề khó khăn và sau đó là biết làm thế nào để tìm kiếm sự hỗ trợ cần thiết để khắc phục vấn đề khó khăn đó.

Thách thức ở đây là phát triển năng lực cho nông hộ để làm công việc này và cuối cùng là tự làm công việc này mà không cần sự hỗ trợ của Chương trình. Khi có nhiều nông hộ trong một xã đạt được kinh nghiệm trong việc mua đúng bò tốt để vỗ béo và bán bò được giá, các nông hộ khác sẽ đến hiện trường để tìm kiếm sự tư vấn kinh nghiệm của họ. Cơ hội có thể xảy ra cho vài nông hộ, đã đạt được sự thành công nhiều hơn, trở thành những tư vấn nghiệp dư về các lĩnh vực quản lý thức ăn chăn nuôi, thú y, chăm sóc vật nuôi, v.v. Các khóa tập huấn cho các nông hộ này có thể được dự thảo ra khi có hộ học viên tiềm năng và nhu cầu theo hướng sản xuất mang tính hàng hóa. Những hộ học viên đầu tiên có thể chỉ được tập huấn về cách nhận ra một vấn đề và xác định được có thể tìm kiếm sự tư vấn giải quyết vấn đề từ đâu. Nguồn học viên là một cán bộ kỹ thuật huyện hoặc tỉnh có thể có hoặc có thể không có khả năng tham dự được tập huấn vào thời gian yêu cầu. Khi xảy ra trường hợp nhu cầu về tư vấn chưa được thỏa mãn và lỗi lã trong sản xuất xảy ra, thị trường có thể sẽ hướng đến chấp nhận việc trả thù lao cho dịch vụ tư vấn nghiệp dư.

5. Đối với việc xem xét **các hoạt động vỗ béo bò và các hoạt động khác nhằm mang lợi ích** đến cho nhiều hộ nghèo hơn nữa, chu kỳ PC/PS kế tiếp sẽ xác định các hộ có quan tâm đến việc thực hiện các hoạt động này. Trong thời gian hiện

thời, có nhiều hoạt động bổ sung có thể đề nghị người tham gia trong hoạt động chăn nuôi gia súc thực hiện như:

- a. sử dụng phân từ chuồng vật nuôi để cải tạo đất vườn của hộ gia đình và trồng các loại cây/ thực vật.
- b. thu gom và sử dụng lá khoai mì để sử dụng như là một thành phần của khẩu phần ăn.
- c. dùng khoai mì và vỏ khoai mì làm một thành phần của khẩu phần ăn.
- d. xác định các khu vực trong vùng trồng thường cho ra sản lượng thấp và trồng những loại cây thức ăn xanh phù hợp hơn với điều kiện đất đai của những khu vực đó để tận dụng làm nguồn cung cấp thức ăn bổ sung cho vật nuôi.
- e. xác định những khu vực đất chưa được dùng hết và chỉ phù hợp cho những loại cây chịu hạn để sản xuất các loại cây và thức ăn xanh thêm cho khẩu phần. Có nhiều loài thực vật sẵn có tại Việt Nam có thể đưa vào trồng thử để phục vụ cho mục đích này .

PHỤ LỤC 1

BẢNG NỘI DUNG YÊU CẦU CÔNG VIỆC

Phụ lục 1: Bảng nội dung yêu cầu công việc

Chuyên gia kinh tế học vật nuôi (Tháng 10 – 11/2002)

Chuyên gia sẽ thảo luận nội dung các công việc cuối cùng phải thực hiện với Trưởng đoàn Ô-x-trây-lia (ATL) khi đến Quảng Ngãi. Trong quãng thời gian thực hiện nhiệm vụ, chuyên gia sẽ cùng hợp tác làm việc với các Cố vấn phát triển có sự tham gia (PDA), với các đối tác công việc và các Nhân viên Phát triển huyện (DDO).

Mục tiêu của chuyên gia là sẽ phát triển một bảng tính sẵn nhằm định hướng các PDA, DDO và nông dân trong việc chọn lựa các khẩu phần thức ăn thích hợp sử dụng trong chăn nuôi bò vỗ béo. Phương pháp tiếp cận phải phù hợp với trình độ hiểu biết hiện tại của nông dân và DDO, phù hợp với các nguồn thức ăn chăn nuôi sẵn có/nguồn cung cấp và phù hợp với giá cả hiện thời. Phải xác định và cung cấp các nguồn dữ liệu cơ sở áp dụng trong chăn nuôi bò vỗ béo và các dữ liệu tương tự như vậy đối với chăn nuôi heo thịt và nuôi gia cầm với mục đích lấy thịt hoặc trứng.

Chuyên gia sẽ:

1. Xác định một bảng tính sẵn cho các thành viên tham gia vào các hoạt động tạo thu nhập / các mô hình trình diễn thuộc RUDEP áp dụng nhằm hỗ trợ họ trong việc đánh giá các chi phí liên quan và các lợi ích khác nhau từ sự lựa chọn khẩu phần thức ăn khác nhau, bao gồm cả khẩu phần thức ăn tận dụng được các thành phần thức ăn sẵn có tại địa phương.
2. Cung cấp một tập hợp cơ sở dữ liệu về dinh dưỡng vật nuôi và thành phần dinh dưỡng có trong các nguồn thức ăn cần sử dụng bằng bảng tính sẵn theo các điều kiện của RUDEP.
3. Hình thành nên các hướng dẫn cho RUDEP mở rộng các cơ sở dữ liệu và ứng dụng thực tiễn của bảng tính sẵn phù hợp với yêu cầu của hoạt động/mô hình trình diễn, bao gồm tiến trình phát triển của một tập hợp các dịch vụ hỗ trợ địa phương xuất phát từ yêu cầu thực tế của địa phương. Các dịch vụ hỗ trợ này có thể liên kết với thông tin thị trường, tín dụng và các khởi xướng khác của RUDEP có liên quan.
4. Phát triển tất cả các ý trên cho: (a) nuôi bò vỗ béo và cung cấp các nguồn dữ liệu để tiếp tục phát triển; (b) chăn nuôi heo thịt; và (c) nuôi (gà và vịt) với mục đích lấy thịt hoặc trứng.
5. Hình thành các bảng tính sẵn cho từng lĩnh vực được nêu như trên nhằm hỗ trợ cho các thành viên tham gia vào hoạt động/mô hình trình diễn lựa chọn các khẩu phần thức ăn phù hợp nhất đối với hoàn cảnh của họ.
6. Thảo luận các kết quả tìm được với Ban quản lý Chương trình và các bên ưa thích khác.
7. Chuẩn bị và đệ trình một bảng báo cáo trước khi rời Quảng Ngãi.

PHỤ LỤC 2

PHẦN TRÌNH BÀY BẢNG TÍNH SẢN TẠI HỘI THẢO

Phụ lục 2: Phần trình bày bảng tính sẵn tại hội thảo

So sánh giữa nuôi bò vỗ béo với chăn nuôi bò sinh sản

Các sự so sánh khác

- 1. Nguy cơ rủi ro**
- 2. Quay vòng vốn và chi phí đầu tư ban đầu**
- 3. Sự hiểu biết**
- 4. Cách thức cho ăn đối với bò vỗ béo**
- 5. Chi phí cho các khẩu phần thức ăn**
- 6. Chúng ta có thể sử dụng các loại thức ăn khác và giảm bớt lượng bắp được không?**
- 7. Thử thay cám bắp bằng cỏ voi**
- 8. Các kết luận**

So sánh giữa nuôi bò vỗ béo với bò sinh sản

Bò sinh sản

Mua một con bò với giá 3 triệu đồng

Bò sinh con và nuôi bê con. Bê con đầu tiên được sinh ra sau hai năm rưỡi và sau này cứ sau một năm rưỡi thì bê con được sinh ra. Nếu bò được nuôi trong vòng 9 năm rồi đem bán thì sẽ sinh được 4 bê con. Bò mẹ sẽ được vỗ béo và bán sau khi bê con thứ tư đã cai sữa.

| | |
|---|-----------------|
| Tổng thu khi bán 5 bê con với giá 2,5 triệu đồng/con là | 12,5 triệu đồng |
| Số tiền thu được từ việc bán bò mẹ là | 3 triệu đồng |
| Trừ khoản chi phí mua bò là | 3 triệu đồng |
| Phần còn dư lại bao gồm các chi phí và công lao động trong 9 năm là | 12,5 triệu đồng |

Bò vỗ béo

Mua một bò đực để vỗ béo. Nuôi trong thời gian 2 tháng rồi đem bán. Như vậy, mỗi năm sẽ thực hiện được 6 lần như vậy.

| | |
|---|---------------|
| Chi phí mua bò | 2 triệu đồng |
| Thu được từ bán bò sau 2 tháng | 3 triệu đồng |
| Phần còn dư lại bao gồm các chi phí và công lao động trong 2 tháng là | 1 triệu đồng |
| Phần còn dư lại bao gồm các chi phí và công lao động trong 1 năm là | 6 triệu đồng |
| Phần còn dư lại bao gồm các chi phí và công lao động trong 9 năm là | 54 triệu đồng |

Sự so sánh giữa chăn nuôi bò sinh sản và bò vỗ béo

| | |
|--|------------------|
| Phần còn dư lại sau 9 năm chăn nuôi bò vỗ béo là | 54 triệu đồng |
| Phần còn dư lại sau 9 năm chăn nuôi bò sinh sản là | 12,5 triệu đồng |
| Lợi ích từ chăn nuôi bò vỗ béo so với bò sinh sản trong 9 năm là | 41,5 triệu đồng. |

Các sự so sánh khác

1. Nguy cơ rủi ro:

Ngay cả khi chỉ vỗ béo hai con bò trong một năm thì phần còn dư lại bao gồm tiền đầu tư và công lao động sẽ là 18 triệu đồng (2 triệu đồng/năm)

Con số này cao hơn so với 12,5 triệu đồng thu được từ chăn nuôi bò sinh sản và bán bê con trong 9 năm (1,11 triệu đồng/năm)

Chín năm là một khoảng thời gian dài. Với khoảng thời gian này thì bò mẹ chỉ có thể sinh được 4 bê con.

Chăn nuôi bò (đực/cái) vỗ béo chỉ tiêu tốn thức ăn trong 2 tháng. Thậm chí nếu thời gian kéo dài trong 3 tháng thì lợi nhuận thu được từ bán bò vẫn sẽ cao hơn so với chăn nuôi bò sinh sản.

2. Quay vòng vốn và chi phí đầu tư ban đầu:

Mua bò sinh sản hay bò (đực/cái) để vỗ béo cũng sẽ tốn rất nhiều tiền.

Tuy nhiên, nếu cứ bán bò vỗ béo sau khoảng thời gian hai hoặc ba tháng thì sẽ thu được tiền mặt để tiếp tục dùng mua bò, tiếp tục vỗ béo và bán. Với chăn nuôi bò vỗ béo thì sẽ có thể trả được vốn vay nhanh hơn so với nuôi bò sinh sản, nuôi và bán bê con.

Thời gian từ lúc một bê con đầu tiên được sinh ra cho đến khi bán là hai năm rưỡi (30 tháng). Với bê con thứ hai có lẽ là sau 15 tháng (hoặc cũng có thể là lâu hơn). Bê con thứ ba, tư và năm cũng sẽ mất thời gian 15 tháng hoặc hơn trước khi chúng được bán.

3. Sự hiểu biết:

Cần phải học cách thức cho bò cái/đực nuôi vỗ béo ăn và cách chăm sóc chúng.

Cần phải học cách nhận biết và mua bò (đực/cái) có thời gian vỗ béo nhanh mà không tốn quá nhiều tiền.

Cần phải học cách nhận biết giá cả ở mức độ nào là thích hợp để bán bò đã vỗ béo.

4. Cách thức cho ăn đối với bò vỗ béo:

Phải biết được con bò nặng bao nhiêu kilogam (trọng lượng của bò). Có thể nhìn trọng lượng này ở cột thứ 1 – trang 1 trong tập tài liệu mà chúng tôi đã phát. Bạn biết được trọng lượng của con bò mà mình nuôi vì bạn đã cân chúng và báo cáo cho RUDEP.

Nhìn vào cột thứ 2 – trang 1 thì bạn có thể biết được mức tăng trọng của con bò nên là bao nhiêu mỗi ngày. Số kg ‘tăng/giảm trọng lượng’ này nằm ở cột 2 – trang 1.

Nhưng bò sẽ chỉ tăng/giảm trọng lượng khi:

- (a) Chúng ăn một lượng thức ăn (kg) như ở cột 3 – trang 1. Cột này có tiêu đề ‘Sự hấp thu chất khô’. Mức tăng trọng của bò sẽ cao hơn con số này nếu mỗi ngày chúng ăn với khẩu phần thức ăn nhiều hơn và mức tăng trọng của bò sẽ thấp hơn con số này nếu mỗi ngày chúng ăn với khẩu phần thức ăn ít hơn.

GHI CHÚ: Sự hấp thu chất khô này được xem như là cơ sở mà căn cứ vào đó để cung cấp thức ăn cho bò. Đây chính là số kilogam thức ăn mà bạn có thể cung cấp cho bò ăn mỗi ngày. Sở dĩ bạn biết được các sự hấp thu chất khô này vì bạn đã đo lường và ghi chép lại thông tin cho RUDEP.

- (b) Khẩu phần thức ăn mà bạn đang sử dụng chứa hàm lượng năng lượng như ở cột 4 và chất đạm như ở cột 5 – trang 1.
- (c) Khẩu phần thức ăn mà bạn đang sử dụng có chứa một lượng ‘thức ăn thô tối thiểu’ ngoài lượng thức ăn như trong cột 6 – trang 1.

Để kiểm tra xem liệu con bò bạn nuôi tăng/giảm trọng lượng:

- (a) Ở cột 1 – trang 2, 3, 4, 5, và 6 trong tập tài liệu mà chúng tôi phát cho bạn là danh sách số kilogam thức ăn cơ bản/ngày. Ở trang 2, 3, 4, 5 và 6 là số kilogam thức ăn/ngày mà hiện giờ bạn đang cho bò ăn.
- (b) Bây giờ hãy kiểm tra khẩu phần thức ăn mà bạn đang sử dụng. Các khẩu phần thức ăn được trình bày ở đầu trang 2,3,4,5 và 6 dưới tiêu đề ‘SỐ LƯỢNG THỨC ĂN TÍNH BẰNG KG TRONG CÁC KHẨU PHẦN THỨC ĂN’. Các khẩu phần này được gọi là A, B, C, D, E, F, G, H và I.

GHI CHÚ:

- Nhiều người trong các bạn đã và đang sử dụng các khẩu phần thức ăn A, B, C và D.
Các khẩu phần thức ăn này không chứa cỏ voi.
 - Một số các bạn đã và đang sử dụng các khẩu phần thức ăn E, F và G.
Các khẩu phần thức ăn này có bổ sung thêm cỏ voi.
 - Một số các bạn đã và đang sử dụng các khẩu phần thức ăn như H và I.
Các khẩu phần thức ăn này được bổ sung thêm nhiều cỏ voi và sử dụng ít cám bắp.
- (c) Bây giờ hãy kiểm tra hàm lượng năng lượng và hàm lượng đạm trong khẩu phần thức ăn và số kilogam thức ăn mà bạn đã và đang sử dụng. So sánh nó với hàm lượng đạm và năng lượng theo mức yêu cầu đối với bò có cùng trọng lượng với bò của bạn trong trang 1. Tra thông tin về mức tăng/giảm trọng mà bò bạn đang nuôi có thể đạt được với khẩu phần thức ăn như vậy và lượng chất khô mà bạn có thể cho bò ăn hàng ngày.

CHẶNG HẠN: Tra thấy 4 kg/ngày ở cột ‘Số lượng thức ăn’ trong trang 3 nghĩa là bạn đang cho bò ăn với khẩu phần thức ăn là 4kg/ngày.

Nếu bạn đang cho bò ăn theo khẩu phần thức ăn D (không có cỏ voi) với 4 kg thức ăn/ngày thì bò sẽ nhận được mức năng lượng là 8,95 Mcal và 487,41 gam chất đạm có trong 33,33 % thức ăn tinh và 66,67% thức ăn thô.

Bây giờ quay lại trang 1, chẳng hạn tra thông tin về bò với trọng lượng 150 kg. Thông tin này nằm ở cột 1 - trang 1. Với trọng lượng 150 kg sẽ tra thấy mức hấp thu chất thô 3,8 và 4,2 kg/ngày, thông tin này nằm ở cột 3. Bây giờ tra mức năng lượng (ở cột 4) và đạm (ở cột 5) cần thiết đối với bò có trọng lượng 150 kg để mức tăng trọng của bò trong khoảng từ 0,25 đến 0,5 kg/ngày. Mức năng lượng cần cung cấp trong khoảng từ 6,56 đến 8,02 Mcal/kg và đạm là từ 400 và 474 g/kg nếu bò ăn với lượng thức ăn là 4 kg/ngày.

So sánh giữa các yếu tố mà khẩu phần thức ăn cung cấp với nhu cầu thực tế của bò:

| | Năng lượng (Mcal/kg) | Đạm (gam) | Thức ăn tinh (%) | Thức ăn thô (%) |
|----------------------------|----------------------|------------|------------------|-----------------|
| Khẩu phần thức ăn cung cấp | 8,95 | 487,5 | 56,1 | 43,9 |
| Nhu cầu thực tế của bò | từ 6,56-8,02 | từ 400-474 | > 30 và < 70 | < 70 và > 30 |

Kết luận: Bò cần có sự hấp thụ thức ăn khô và dinh dưỡng để có thể đạt mức tăng trọng hơn 0,5 kg/ngày. Không nên cho bò ăn thiếu chất vì hàm lượng thức ăn tinh và thô trong các khẩu phần thức ăn nằm trong giới hạn cần thiết 30% và 70%; và vượt qua mức tối thiểu từ 0,75 – 1,2 kg.

5. Chi phí cho các khẩu phần thức ăn:

Chi phí cho các nguyên liệu sử dụng trong các khẩu phần thức ăn như sau:

| Nguyên liệu | đồng/kg | Chi phí (đồng) cho 1 kg các nguyên liệu sử dụng trong các khẩu phần thức ăn | | | | | | |
|-------------|---------------|---|-----|-------|-------|-------|-----|-----|
| | | 0.2 | 1.2 | 1.0 | 2.0 | 3.2 | 3.6 | 4.8 |
| Cám bắp | 1,900 | | | 1,900 | 3,800 | 6,840 | | |
| Rơm rạ | Công lao động | | | | | | | |
| Mật đường | 700 | | | | 1,400 | | | |
| Urê | 2,320 | 464 | | | | | | |
| Cỏ voi | Công lao động | | | | | | | |

Chi phí chủ yếu là chi phí cho cám bắp.

Các chi phí cho “Công lao động” chính là giá trị công lao động mà bạn đã bỏ ra để có được thức ăn cho bò, công cắt và công chăm sóc.

6. Chúng ta có thể sử dụng các loại thức ăn khác và giảm bớt lượng bắp được không?

Khó có thể thực hiện được điều này vì bạn cần phải đảm bảo bò sẽ ăn đủ lượng thức ăn cần thiết để:

- (a) cung cấp năng lượng cho cơ thể và các nhu cầu về chất đạm hàng ngày.
- (b) thức ăn tinh không ít hơn 30% và chiếm một tỉ trọng không quá 70% khẩu phần thức ăn.
- (c) thức ăn thô nhiều hơn 30% và chiếm một tỉ trọng không ít hơn 70% khẩu phần thức ăn.
- (d) Nhu cầu thức ăn thô tối thiểu cho bò hàng ngày từ 0,5 – 0,8 kg/100 kg trọng lượng hơi.

Tuy nhiên, có thể sử dụng các loại thức ăn khác. Bò sẽ ăn nhiều hơn nếu chúng hợp khẩu vị đối với loại thức ăn đó. Chúng càng ăn nhiều thì mức tăng trọng mỗi ngày sẽ tăng lên cao hơn. Mức tăng trọng mỗi ngày cao hơn nghĩa là bạn có thể bán bò sớm hơn, thu hồi vốn nhanh hơn và có thể chi trả cho khoản chi phí mua đường mật cho bò.

7. Thử thay cám bắp bằng cỏ voi:

Các khẩu phần thức ăn H và I là các khẩu phần thử thay thế cám bắp bằng cỏ voi.

(e) Năng lượng và chất đạm

Nếu bạn nhìn vào trang 6 của tập tài liệu mà chúng tôi phát cho bạn thì bạn sẽ thấy rằng ngay cả khi bò có thể ăn 11 kg thức ăn từ các khẩu phần thức ăn này mỗi ngày thì chúng cũng chỉ có thể nhận được mức năng lượng từ 12,39 – 9,37 Mcal/kg và chất đạm từ 692,17 – 543,65 gam.

So sánh các thông số này với các thông số ở trang 1 bạn sẽ thấy rằng chỉ có những con bò có trọng lượng cao nhất mới có thể ăn hết một lượng khẩu phần thức ăn 11 kg mỗi ngày. Để tăng trọng, chúng cần mức năng lượng hơn 12,5 Mcal/kg và hơn 567 g chất đạm.

(f) Thức ăn tinh và thức ăn thô

Nhìn vào trang 6 trong tập tài liệu bạn sẽ thấy các khẩu phần thức ăn H và I cung cấp 14,63% và 6,45% thức ăn tinh; 85,37% và 93,55% thức ăn thô.

Các thông số về thức ăn tinh này ít hơn 30% trong khẩu phần thức ăn và thức ăn thô thì nhiều hơn 70%. Điều này có nghĩa là nếu cho bò ăn theo các khẩu phần này trong một khoảng thời gian quá lâu, chúng sẽ dễ bị các vấn đề về tiêu hoá và bị sung phù.

8. Các kết luận:

Bạn có thể thu được nhiều tiền từ chăn nuôi bò vỗ béo, nhiều hơn khoản tiền cần để chi trả cho chi phí thức ăn tinh mà bạn cần sử dụng. Nhưng để đạt được điều này, bạn cần phải đảm bảo được khâu chăm sóc và cho bò ăn theo các khẩu phần thức ăn tốt để mức tăng trọng hàng ngày cao.

Bạn cần phải tìm và mua bò (đực hoặc cái) có khả năng tăng trọng cao. Những con bò này không cần phải béo tốt nhưng cần phải khoẻ mạnh.

Bạn cần phải biết giá cả mà người mua bò đề nghị là đủ cao hay chưa để bạn có thể có lãi nếu bạn bán bò với giá đó.

Có thể cho bò ăn với các nguyên liệu thức ăn khác nhau nhưng để đạt được mức tăng trọng cao hơn thì không thể không sử dụng thức ăn tinh (như cám bắp) và các loại thức ăn bổ sung khác (như đường mật và urê).
